

LAO ĐỘNG XÃ HỘI VÀ LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH ở người nữ trí thức thành phố Hồ Chí Minh ¹

LƯU PHƯƠNG THẢO

I - TÍNH TÍCH CỰC XÃ HỘI CỦA NỮ TRÍ THỨC

BÊN cạnh vai trò người phụ nữ truyền thống đảm đang nội trợ và nuôi dạy con, người nữ trí thức ngày nay có một vị trí nhất định trong xã hội. Từ việc học tập trang bị những tri thức khoa học để có được khả năng lao động bằng trí óc, người nữ trí thức tự xác lập sự bình đẳng xã hội cũng có nghĩa là phải đủ sức vượt qua mọi trở ngại để đảm đương được vị trí công tác của mình, có đủ sức độc lập về kinh tế và có khả năng sáng tạo trong công tác chuyên môn.

Khả năng thích ứng trong nghề nghiệp của người nữ trí thức bao gồm mức độ an tâm và gắn bó với nghề thấy được triển vọng rõ ràng của bản thân, được tạo điều kiện để phấn đấu, được đào tạo và bồi dưỡng để có học vị và cả sự trưởng thành về mặt chính trị.

Tính tích cực xã hội của người nữ trí thức còn tùy thuộc vào các yếu tố khách quan khác, các chế độ chính sách, các điều kiện kinh tế - vật chất của xã hội... Để được đánh giá, được công nhận, đòi hỏi người nữ trí thức phải có những nỗ lực chủ quan rất lớn mới có thể rút ngắn được khoảng cách giữa nguyện vọng và cuộc sống thực tế, giữa sự phát triển của bản thân và yêu cầu của xã hội, giữa sự cân bằng hài hòa hợp lý giữa cuộc sống xã hội và gia đình.

1. Mức độ gắn bó và an tâm trong nghề.

74,52% trả lời rằng mình được chọn công phù hợp với ngành nghề, được đào tạo. Số còn lại 21,13% cho là không phù hợp. Công việc được phân công thích hợp thì sẽ dễ tạo ra lòng yêu nghề, dễ hài lòng và gắn bó với nghề cũng như phát huy được tính sáng tạo trong nghề. Tỷ lệ phân công phù hợp với đào tạo tương đối cao, nhưng chỉ có 67,47% không muốn đổi nghề. Số muốn đổi nghề là 22,49%. Cũng không đơn giản là có nghề phù hợp thì có thể gắn họ được với nghề và cũng không đơn giản là vì điều kiện kinh tế quá khó khăn mà người ta muốn bỏ nghề.

Mức độ gắn bó với nghề nghiệp còn thể hiện qua sự lựa chọn giữa lao động xã hội và gia đình. Giả định rằng có mâu thuẫn gay gắt giữa lao động xã hội và lao động gia đình thì sự lựa chọn sẽ như thế nào? 71,27% khẳng định rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải đảm bảo công tác chuyên môn. 20,86% cho rằng phải hy sinh công tác chuyên môn để lo việc nội trợ nhằm bảo đảm hạnh phúc gia đình. Tỷ lệ lựa chọn nghiêng về phía xã hội, phần nào nói lên xu hướng của người nữ trí thức. Phải chăng, sự tự khẳng định về nghề nghiệp còn quan trọng hơn hạnh phúc gia đình? Tuy rằng đây chỉ là một sự lựa chọn giá định chưa có kiểm nghiệm thực tế, mức độ lựa chọn công tác chuyên môn không tùy thuộc vào độ tuổi mà tùy thuộc vào việc người ta có gia đình hay chưa. Khi chưa có gia đình thì người ta dễ dàng lựa chọn công tác chuyên môn. Điều đáng nói là tỷ lệ lựa chọn "hạnh phúc gia đình" ở nhóm nữ trí thức nghiên cứu khoa học rất cao

¹ Khảo sát theo 3 nhóm nghề nghiệp sau:

- Trí thức nghiên cứu khoa học: Phân Viện Khoa học Việt Nam. Ban Khoa học - kỹ thuật thành phố, Viện Pasteur, Viện Khoa học xã hội
- Cán bộ giảng dạy các trường: Cao đẳng Sư phạm, cấp III Lê Hồng Phong.
- Nữ trí thức ở các cơ sở sản xuất: các bác sĩ bệnh viện phụ sản, các kỹ sư ở Sở Công - nghiệp và Viện hóa dầu.

(27,10%). Điều này nói lên rằng một khi được phân công phù hợp và yêu nghề chưa hẳn là người ta mãi gắn bó được với nghề nghiệp trong mọi tình huống mọi hoàn cảnh. Và dẫu sao đây cũng chỉ là một hoàn cảnh giá đình, những nữ trí thức vẫn đang đứng trên vị trí công tác của mình, là chưa phải đã có hoàn cảnh thuận lợi mà thực tế vẫn đang phải đương đầu với mọi khó khăn trong từng ngày của mình để tự khẳng định vai trò của người nữ trí thức trong cuộc sống xã hội.

2. Định hướng tương lai và nguyện vọng phát huy trong nghề chuyên môn.

a) Điều kiện để phát huy hết khả năng chuyên môn.

Được phát huy trong công tác chuyên môn, được thấy hướng phát triển của bản thân, rõ ràng đối với người trí thức là điều quan trọng và chính đáng nhất để gắn bó và yên tâm với nghề. Điều gì hiện nay là quan trọng bức thiết nhất đối với họ để phát huy hết khả năng trong công tác chuyên môn? Đa số các chị cho rằng đời sống vật chất được ổn định là điều kiện bức thiết nhất để có thể yên tâm công tác (65,85% trả lời) ở nhóm công tác nghiên cứu và những người đã có gia đình gặp nhiều khó khăn và kinh tế hơn những người chưa có gia đình. Có thể vì những người làm công tác nghiên cứu khoa học thu nhập thấp hơn nhóm nghề khác. Cụ thể là giáo viên giảng dạy hay bác sĩ có thể làm thêm ngoài giờ. Điều kiện quan trọng thứ hai để phát huy trình độ chuyên môn là được trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết cho công tác 57,99% (tỷ lệ này ở nhóm nghiên cứu cũng cao nhất: 67,46%). Thông tin khoa học, trang thiết bị hay kinh phí nghiên cứu v.v... là những điều kiện khách quan quan trọng để phát huy khả năng lao động của người trí thức. Điều kiện thứ ba mà người nữ trí thức cho rằng để phát huy hết khả năng chuyên môn đó là được “nâng cao trình độ chuyên môn, có học hàm, học vị” (45,52%). “gia đình êm ấm hạnh phúc” cũng là một điều kiện khá quan trọng khác (chiếm 42,54%).

Điều kiện được bồi dưỡng chính trị để trở thành đảng viên lại ít được lựa chọn. Điều này có thể giải thích được, vì 1/4 trong số các chị trả lời phiếu ý kiến đã là đảng viên rồi. Nhưng ngay cả những người chưa là đảng viên thì cũng chỉ có 8,33% chọn tiêu chuẩn được bồi dưỡng về chính trị. Chúng ta không thể vội kết luận rằng, đối với nữ trí thức, mức phấn đấu và nhận thức chính trị kém. Những phẩm chất chính trị và đạo đức là cần thiết đối với mọi công dân. Nhưng đối với đội ngũ trí thức, trình độ chuyên môn quyết định khả năng tư duy của họ chứ không phải nhiệt tình chính trị. Chính vì thế người nữ trí thức quan tâm đến phương tiện làm việc và trình độ chuyên môn, vì những điều kiện ấy quyết định số phận của họ có là người trí thức hay không, có khả năng lao động trí óc, khả năng tư duy sáng tạo hay không. Bình đẳng về mặt xã hội có nghĩa là người nữ trí thức phải khẳng định được năng lực tư duy sáng tạo của mình ngang bằng bởi các đồng nghiệp nam giới. Các chị không đòi hỏi sự bình đẳng vì lý do đả ngộ phụ nữ hay vì có những phẩm chất đạo đức chính trị tốt. Cái mà nữ trí thức cần thiết nhất hiện nay là *đời sống vật chất ổn định, điều kiện làm việc tốt hơn và trình độ chuyên môn được nâng cao*.

b) Điều chưa yên tâm, chưa hài lòng.

“Cuộc sống khó khăn” đó là cái chung của xã hội mà ai cũng thấy. Nhưng trong những khó khăn chung ấy, người nữ trí thức chia sẻ về phần mình những gánh nặng nề hơn, họ có nhiều mối âu lo hơn. Không chỉ là chuyện áo cơm, không chỉ là hạnh phúc gia đình, mà còn là trách nhiệm của người trí thức, trách nhiệm đối với sự tiến bộ của xã hội, trách nhiệm đối với khó học và nhân cách con người. Dù muốn hay không, sự lạc hậu của xã hội cũng là sự lạc hậu của người trí thức, hay có thể nói một cách khác, một xã hội có nền văn minh văn hóa cao thì vai trò của người trí thức càng được tôn trọng.

Trong tình hình thực tế hiện nay, phải nhìn nhận rằng đời sống vật chất khó khăn có một tác động rất lớn đến sự yên tâm nghề nghiệp của nữ trí thức: 74,52% các chị cho rằng “tình hình đời sống khó khăn” là mối lo âu lớn nhất để không yên tâm công tác. Một mối lo âu khác là vấn đề thiếu thời gian thời gian để chăm sóc con cái và lao động bếp núc còn mất nhiều giờ (43%). Mối lo lắng về hướng phát triển nghề

ng nghiệp của bản thân chưa rõ ràng là 28,72% (tỷ lệ này ở nhóm nghiên cứu cao nhất: 33,13%).

Như vậy sự phát triển của bản thân, nghề nghiệp lại chưa phải là mối quan tâm lớn nhất, mà đối với các nữ trí thức, mối lo lắng về đời sống kinh tế khó khăn lại nổi lên hàng đầu. Điều này có mâu thuẫn với xu hướng xã hội của họ hay không, bên cạnh những khó khăn về đời sống, vẫn có thể nỗ lực phấn đấu trong công tác chuyên môn được không? Đa số mọi người chọn vị trí trong công tác chuyên môn, chọn công tác xã hội trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Ở đây vẫn thể hiện tính chủ động tích cực của người trí thức.

c) Điều gì yên tâm và phấn đấu tốt?

Đa số các chị nhất trí rằng, để có thể yên tâm và phấn đấu tốt trong công tác chuyên môn thì cần phải có: người lãnh đạo tốt, giỏi chuyên môn, công bằng: 60,97%; xếp lương đủ sống: 43,08%; đơn vị tổ chức tốt công tác chuyên môn: 31,43%; triển vọng phát triển của bản thân rõ ràng: 21,13%. Điều kiện người lãnh đạo phải giỏi chuyên môn và công bằng, cũng như đơn vị phải tổ chức tốt công tác chuyên môn, đó là những điều kiện khách quan để phát huy tính tích cực sáng tạo của người trí thức. Chúng ta nhận thấy rằng ở nơi nào người trí thức phát huy được công tác chuyên môn của mình thì ở đó mức độ ổn định yên tâm trong nghề, mức độ hài lòng gắn bó với nghề công tác cũng sẽ cao. Vì một lẽ dễ hiểu, nếu như người trí thức có được những niềm vui tinh thần, có những say mê trong sáng tạo khoa học, nếu như họ thấy rằng những hiệu quả công việc của họ mang lại những ích lợi và ý nghĩa cho cuộc sống thì người trí thức có thể vượt qua được những khó khăn về vật chất. Điều đó càng khẳng định được vì sao trước những khó khăn lớn về đời sống người nữ trí thức vẫn muốn bằng mọi cách đảm đương được vị trí công tác, xã hội của mình. Trên 60% không muốn đổi nghề và 70% lựa chọn công tác xã hội, một khi có mâu thuẫn giữa xã hội và gia đình chính là vì thế.

Mặt khác, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng hay đề bạt cán bộ nữ chưa thật sự được quan tâm đúng đắn ở mọi nơi. Chế độ chính sách thì cũng có nhiều và hàng loạt các chỉ thị, thông tư, nhưng thực hiện đến đâu, đúng sai thế nào cũng chưa đánh giá hết được.

Và chính bản thân nữ trí thức cũng thiếu quan tâm và không tin tưởng nhiều ở những nghị quyết ấy. Cụ thể về những chỉ thị 44/BBT và 176a/HĐBT, số chị tự tìm hiểu là 19,51%, số được cơ quan phổ biến là 30,89%. Số còn lại là không quan tâm và nếu không được cơ quan phổ biến thì cũng không tìm hiểu. Tình trạng thờ ơ, thụ động với những chính sách xã hội, về mặt nào đó đã cắt nghĩa thực tế ấy.

3. Người phụ nữ thành đạt.

Tính tích cực xã hội của người nữ trí thức còn thể hiện trong cách chọn lựa mô hình về người phụ nữ thành đạt trong cuộc sống. Trong cách đánh giá lựa chọn này cũng bộc lộ xu hướng và có nguyện vọng của người trả lời. Người phụ nữ trí thức thành đạt trong cuộc sống xã hội trước hết phải là người giỏi chuyên môn: 91,59%. Trong 9 tiêu chuẩn cho sẵn, người trả lời chỉ chọn 3 ý phù hợp với quan niệm của mình, thì tỷ lệ tập trung phiếu cao nhất cho nghề nghiệp ổn định và giỏi chuyên môn. Tiêu chuẩn thứ hai là có gia đình êm ấm hạnh phúc: 66,66%. Tiêu chuẩn thứ ba thuộc về phẩm chất đạo đức: trung thực, dám đấu tranh với những điều sai trái (42,27%). Tiêu chuẩn thứ tư được lựa chọn cũng là một phẩm chất đạo đức (dịu dàng, tế nhị, nhân hậu: 27,91%). Đứng hàng thứ năm là có một cuộc sống vật chất không thiếu thốn: 25,20%. Như vậy mô hình mà mọi người mong muốn là giỏi chuyên môn, có hạnh phúc gia đình và có những phẩm chất đạo đức tốt. Mặc dầu tình hình đời sống còn khó khăn, mặc dầu hướng phát triển chưa rõ, các chế độ bồi dưỡng đào tạo chưa đồng bộ, mô hình mà người nữ trí thức lựa chọn vẫn mang tính tích cực xã hội khá cao.

II NỮ TRÍ THỨC: NGÂN SÁCH THỜI GIAN VÀ LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH

1. Thời gian lao động.

Thời gian lao động của người nữ trí thức bao gồm thời gian làm việc tại cơ quan công với thời gian phải làm thêm (lao động ngoài giờ để tăng thu nhập) và số thời gian lao động bếp núc, chăm sóc gia đình. Số người phải làm thêm bằng chuyên môn của mình là 30,62%. Số người làm thêm ngoài chuyên môn là 33,87%. Số không phải làm thêm là 33,87%. Như vậy tổng số người phải làm thêm là trên 63%. Về tỷ lệ thời gian dành cho công việc nội trợ bếp núc, chăm sóc con cái v.v... thì số người dành từ 1 đến 3 tiếng đồng hồ trong ngày là 28,99%. Số người phải dành từ 4 đến 6 giờ là 52,57%; số người phải dành từ 7 đến 10 giờ trong ngày là 10,40%. Như vậy khoảng thời gian lao động nội trợ cũng là một khó khăn gay go đối với nữ trí thức. Ai cũng biết rằng dạng lao động nội trợ này chỉ là những thứ lao động lật vật không tên, không mang lại hiệu quả kinh tế và không mang lại những sáng tạo mới mẻ thú vị nào, nếu không muốn nói là nhiều khi mệt mỏi và nhàm chán. Thế nhưng nó lại được mệnh danh là “thiên chức” của người phụ nữ và người phụ nữ dù là trí thức đến đâu cũng không thể thoát ra ngoài thiên chức ấy.

Tổng số thời gian lao động trong ngày của người phụ nữ trí thức trung bình từ 10 đến 12 tiếng là 36,58%; số người phải lao động từ 13 đến 15 tiếng là 241,93%; số phải lao động trên 16 tiếng là 9,48%.

Chúng ta thấy rằng tỷ lệ nhưng người trí thức phải lao động quá tải vẫn còn khá cao. “Quá tải” ở đây hiểu theo nghĩa phải lao động trên 12 tiếng trong ngày, dù ở bất cứ dạng lao động nào, công việc hay nội trợ. Khi người nữ là thức phải dành nhiều thời gian cho lao động gia đình, điều đó có nghĩa là hiệu quả lao động trí óc của họ cũng sẽ bị hạn chế, vì điều đó cũng có nghĩa là không còn thời gian để nghỉ ngơi, để bồi dưỡng kiến thức, thu thập thông tin và giao lưu văn hóa là những công việc thiết thân của người lao động trí óc.

2. Tổ chức sinh hoạt gia đình.

Trong gia đình nữ trí thức ai là người chịu trách nhiệm chi thu? Cả hỏi vợ chồng cùng lo là 67,68%. Người vợ lo là chính: 26,01%. Người chồng là chính: 4,53%. Chịu trách nhiệm chi thu cũng có nghĩa là chịu trách nhiệm về nguồn thu nhập kinh tế của gia đình. Nếu xét về khía cạnh bình đẳng về mặt kinh tế trong gia đình thì người nữ trí thức hoàn toàn bình đẳng, thậm chí họ còn là người chịu trách nhiệm chính. Về mặt trách nhiệm nuôi dạy con cái cũng thế, cả hai vợ chồng cùng lo là 67,03%. Người vợ lo là chính: 25,97%. Và người chồng chịu trách nhiệm chính trong việc giáo dục con là 1,77%. Trong gia đình, người chồng có quan tâm đến công tác của vợ không? tỷ lệ rất quan tâm là thường xuyên giúp đỡ vợ trong công tác chuyên môn là 42,44%. Tỷ lệ tích cực này đâu sao cũng chưa phải là một đa số thuyết phục và động viên người phụ nữ trí thức. Tỷ lệ có quan tâm đôi chút là 44,55%. Và hầu như không quan tâm là 9,02%. Ngược lại, bản thân các chị có chia sẻ những khó khăn trong công tác chuyên môn của người chồng hay không, thì mức độ rất quan tâm là 55,55%, có quan tâm đôi chút là 39,22%. Bản thân các chị quan tâm đến chuyên môn của chồng nhiều hơn là các ông chồng quan tâm đến công tác của vợ, nhưng mức độ chỉ quan tâm đôi chút thì cũng khá cao. Chứng tỏ rằng trong gia đình người phụ nữ trí thức vẫn có những sự độc lập về kinh tế và những hoạt động chuyên môn, trong chừng mực nào đó vẫn có những khoảng cách ngăn mà những người bạn đời vẫn không thể hoàn toàn cảm thông và chia sẻ cho nhau được những nỗi âu lo trong nghề nghiệp của mình.

Thực tế khó khăn của cuộc sống có tác động trực tiếp đến sinh hoạt của từng gia đình. Ngân sách thời gian của người nữ trí thức thật ít ỏi thời gian rảnh rỗi, và hầu như bị tràn ngập bởi những công việc quá tải từ công việc chuyên môn, công việc làm thêm để tăng thu nhập, đến chăm sóc gia đình. Người nữ trí thức có được sự hỗ trợ của chồng trong các công việc nội trợ hay không? Tỷ lệ các ông chồng thường xuyên tham gia các công việc nội trợ là 25%. Có tham gia nhưng không thường xuyên là 54,47%, và hầu như không tham gia là 17,36%. Đã đến lúc mọi người phải nhận thức rằng công việc nội trợ không phải là một đặc quyền của người phụ nữ, và người chồng trong gia đình không chỉ đơn giản là giúp đỡ vợ đảm đương tốt nhiệm vụ này mà là chính người chồng cũng phải có bổn phận gánh vác, nếu muốn bảo vệ hạnh phúc

gia đình, nếu thật sự yêu thương và mong muốn người bạn đời của mình - một người phụ nữ lao động trí óc có thể đảm đương tốt công việc chuyên môn của họ theo yêu cầu của xã hội. Rõ ràng trong chừng mực nào đó những công việc nội trợ đã chiếm mất quá nhiều thời gian và giới hạn sức sáng tạo của người nữ trí thức. Vấn đề này, Lê nin cũng đã nhấn mạnh: “Một khi người phụ nữ chưa thật sự giải phóng khỏi các công việc bếp núc thì người phụ nữ vẫn chưa được giải phóng”. Sự giúp đỡ có hiệu quả nhất vẫn là sự giúp đỡ của các thành viên trong gia đình, của người bạn đời, của những đứa con. Nhiều bậc phụ huynh vẫn quan niệm rằng trẻ em chỉ nên dành hết thời gian để học và đã không hướng dẫn để chúng tham gia những công việc nội trợ đỡ phụ giúp mẹ, quan niệm này còn phải thay đổi một cách cơ bản, ngay từ thuở bé các trẻ em gái và trẻ em trai, đều phải được bố mẹ tập cho các em quen với các công việc nội trợ, nhất là các trẻ em trai để sau này các em có thể tổ chức tốt sinh hoạt gia đình.

3. Mức sống, sức khỏe và thời gian rảnh rỗi:

Trong tình hình hiện nay, các phụ nữ trí thức tự đánh giá về mức sống của mình như thế nào? Số người cho rằng mình đủ sống tuy không dễ chịu lắm là 70,46%. Số người nhận thấy mình túng thiếu vất vả là 21,95%. Số cho rằng mức sống của mình đầy đủ là 2,43%. Số không trả lời câu hỏi này là 5,42%. Hầu hết các chị tự cho mình chỉ có đủ sức khỏe ở mức trung bình (80,75%). Con số cho rằng mình có sức khỏe tốt là 9,48%. Và số người tự cảm thấy sức khỏe của mình rất kém là 9,75%. Cần nhấn mạnh thêm số chị tự thấy mình túng thiếu vất vả và sức khỏe kém rơi vào nhóm nghề nghiên cứu và giảng dạy. Điều này là một thực tế khách quan, tình trạng thu nhập của đồng lương người trí thức hết sức eo hẹp so với vật giá của thị trường. Gần 70% phải lao động ngoài giờ bằng những công việc chuyên môn lẫn không chuyên môn để đảm bảo một mức sống không dễ chịu lắm và thậm chí vất vả. Sự eo hẹp về thu thập sẽ dẫn tới sự eo hẹp về thời gian và sức khỏe.

Với một cường độ lao động như hiện nay, chúng ta phải nhìn nhận là quá tải đối với sức khỏe của phụ nữ. Như vậy thời gian thực sự rảnh rỗi không còn hao nhiều để nghỉ ngơi tái sản xuất sức lao động và bồi dưỡng chất xám, hoạt động tư duy khoa học của người trí thức cần phải tham khảo tư liệu, cần phải đọc, cần phải nghiên cứu tìm tòi, cần cập nhật những thông tin mới, toàn bộ những hoạt động đó cần phải có thời gian. Số người nhận thấy mình có chút ít thời gian rảnh rỗi là 69,37%. Số người không có thời gian rảnh rỗi là 28,18%. Tuy vậy mức độ thỉnh thoảng có tham gia các hoạt động văn hóa là 66,93%. Thường xuyên tham gia là 25,23%. Và hầu như không hề tham gia là 5,96%. Các dạng hoạt động rảnh rỗi của nữ trí thức là đọc sách báo 92,14%, xem ti vi 76,15%, xem phim, kịch, ca nhạc ở tụ điểm là 55,01%, đi du lịch 36,04%, dạo chơi 23,84%, nghỉ ngơi 17,07%, tham gia các câu lạc bộ và chơi thể thao là 10%. Nhìn chung các dạng hoạt động rảnh rỗi của nữ trí thức chiếm đa số là ở lại gia đình: đọc sách báo và xem ti-vi. Số người không có điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa rảnh rỗi là do những hạn chế về thời gian và điều kiện kinh tế.

Và dù cho thật sự có những khó khăn về thời gian và về kinh tế đời sống, tinh tích cực văn hóa của người nữ trí thức vẫn khá cao, các tỷ lệ lựa chọn các sinh hoạt rảnh rỗi cho dù ở mức độ thường xuyên hay đôi khi thì các dạng hoạt động văn hóa vẫn có thể trong tầm tay của các chị và chính các chị có khả năng chủ động thu xếp để tham dự.

III MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Những ý kiến về vấn đề hành động xã hội.

Trong các phiếu trưng cầu ý kiến, các nữ trí thức đã kể ra rất nhiều ý kiến về những vấn đề thiếu bình đẳng trong xã hội đối với người phụ nữ nói chung và người nữ trí thức nói riêng. Các chị nêu lên một số ý kiến khá đậm nét về sự thiếu tin cậy của các cấp lãnh đạo đối với công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ. Người phụ nữ chưa được tin cậy và chưa được đề bạt vào những chức vụ quan trọng, xã hội chưa tin vào

năng lực chuyên môn của phụ nữ. Trong các chế độ bồi dưỡng đào tạo, nữ trí thức cũng bị thiệt thòi nhiều so với các đồng nghiệp nam, tuổi học hành thi cử của họ cũng là thời sinh con và nuôi con nhỏ (25-35 tuổi), chính vì thế nữ trí thức ít có điều kiện để được đào tạo trên đại học, đó là lý do dễ giải thích vì sao số phụ nữ có học vị rất hiếm, các chị có học vị thường là những chị không bận bịu gia đình hay sống độc thân. Những sự thiếu bình đẳng khác xuất phát từ những tàn dư phong kiến “trọng nam khinh nữ”, cho nên dư luận xã hội bao giờ cũng khắt khe đối với phụ nữ hơn nam giới. Người phụ nữ ngày nay vừa phải đảm đương việc xã hội và việc nhà, đó là sự thiếu bình đẳng xã hội, trong khi sức khỏe, sức chịu đựng và những điều kiện tâm sinh lý của phụ nữ kém hơn nam giới

Mặc dù phải đối phó với tình trạng khó khăn về đời sống kéo dài, người nữ trí thức vẫn khẳng định được tính tích cực xã hội của mình, chủ động cải thiện đời sống, tháo gỡ những khó khăn và phát huy được tính sáng tạo khoa học của mình. Đó là lợi điểm rất lớn của nữ trí thức thành phố.

2. Vấn đề nữ trí thức và những điểm nóng phải quan tâm.

Chúng ta không thể giải quyết vấn đề nữ trí thức một cách tách rời riêng biệt khỏi vấn đề trí thức nói chung. Giải quyết tháo gỡ những khó khăn của nữ trí thức cũng chính là đồng thời giải quyết những khó khăn của giải trí thức. Nhưng rõ ràng cũng là trí thức, thì nữ trí thức có nhiều khó khăn hơn nam: những khó khăn thuộc về thành kiến xã hội, những khó khăn thuộc về thiên chức của giới tính nữ. Nhưng trong một số ngành nghề, sự tham gia đóng góp của nữ trí thức khá đông đảo và hậu như chiếm đại đa số như Y tế và giáo dục, một số lĩnh vực, ngành nghề khác như nghiên cứu khoa học lĩnh vực sáng tạo văn học nghệ thuật, sự có mặt của nữ trí thức chiếm một tỷ lệ tương đương với nam giới. Đa số những nữ trí thức đang gặp những khó khăn lớn về đời sống. Chúng ta chưa thể yên tâm với tiêu chuẩn “đủ sống nhưng không dễ chịu lắm” thậm chí “khá túng thiếu vất vả” của họ (tỷ lệ túng thiếu ở nhóm giảng dạy là 33,33% và sức khỏe rất kém là 14,81%). Chúng ta không thể yên tâm với tình trạng gần 70% nữ trí thức phải lao động thêm ngoài giờ, trong khi họ vẫn là một người phụ nữ bình thường phải nuôi dạy con và chăm sóc gia đình. Chúng ta chưa thể yên tâm với tỷ lệ 35% những nữ trí thức còn phải làm việc từ 13 đến 18 tiếng trong một ngày, đó là một khối lượng lao động nặng nhọc và quá sức đối với người phụ nữ. Chúng ta cũng không yên tâm chính vì 74,52 % các chị nữ trí thức trả lời rằng họ chưa thể yên tâm công tác chỉ vì “đời sống quá khó khăn”.

- Cần phải kịp thời thay đổi những chế độ chính sách chưa phù hợp đối với công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ trí thức. Tin cậy và tạo điều kiện để họ phấn đấu và nâng cao trình độ chuyên môn, mở rộng hạn tuổi thi tuyển đào tạo trên đại học đối với nữ.

- Cải thiện đời sống của nữ trí thức bằng cách chăm lo cụ thể đến bữa ăn của gia đình cán bộ trí thức Hội phụ nữ có thể liên kết với các cơ quan kinh doanh, sản xuất để lo những thực phẩm chế biến sẵn, giá bình dân, phù hợp với đồng lương của trí thức. 71% các chị đề nghị tăng cường các cửa hàng thực phẩm chế biến sẵn giá bình dân.

- Xếp lương đủ sống để người phụ nữ trí thức giảm nhẹ số thời gian lao động trong ngày, để họ yên tâm tập trung trí tuệ cho công tác chuyên môn.

Sự cân bằng giữa lao động xã hội và lao động gia đình là hạnh phúc của người phụ nữ. Riêng đối với người phụ nữ trí thức hiện nay đang đứng trước những khó khăn rất lớn. Tâm trạng lo về đời sống quá lớn, mức độ yên tâm thỏa mãn với nghề nghiệp không cao, công việc gia đình còn nặng nhọc, thời gian lao động trong ngày còn quá dài. Cuộc sống không dễ chịu và còn túng thiếu, vất vả. Chừng nào khó khăn về đời sống của người nữ trí thức được giảm nhẹ, khối lượng những công việc lao động gia đình bớt vất vả, và đồng lương đủ sống, để họ có thể yên tâm công tác, khi ấy họ mới có thể làm đúng chức năng của người trí thức: sáng tạo khoa học và phục vụ xã hội. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt cũng đòi hỏi

chúng ta phải quan tâm bồi dưỡng đến chất xám của người trí thức. Quan tâm đến người phụ nữ còn có nghĩa là quan tâm đến hạnh phúc của gia đình. Họ vừa là người phụ nữ, vừa người trí thức. Chúng ta quan tâm và giải quyết những khó khăn của người nữ trí thức, điều đó cũng có ý nghĩa là quan tâm đến hạnh phúc và sự tiến bộ của xã hội.